

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỊNH QUÁN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **125/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 29-11-2019

V/v: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH QUÁN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Quyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lý Và Dương

Bà Nguyễn Thị Quy

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Quán.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán: Ông Vũ Xuân Trường
- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Định Quán xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 462/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2019 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 110/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 85/2019/QĐST-HNGĐ ngày 13/11/2019, giữa:

- Nguyên đơn: Ông **Nguyễn H T**, sinh năm 1982

Địa chỉ:

- Bị đơn: Bà Lương Thị M, sinh năm 1993

Địa chỉ: ấp 1, xã P, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

(Đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn H T trình bày:

Tôi và chị M quen biết nhau tại Trung tâm dạy nghề huyện Định Quán, sau khi tìm hiểu nhau được 05 năm thì hai người tự nguyện đi đến kết hôn, được UBND xã P, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 04, quyển số 01 ngày 04/02/2009.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được 03 năm. Đến năm 2012 tôi bị tai nạn, dẫn đến chấn thương cột sống nên không lao động được trong một thời gian dài; sau khi tôi xuất viện về nhà được khoảng 01 tháng thì chị M bỏ nhà đi cho đến nay.

Do chị M bỏ đi đã lâu, nên hiện nay tôi không còn tình cảm gì với chị M, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với chị M.

Về con chung: Tôi và chị M có 01 con chung là Nguyễn Lương Ngọc T1 – sinh ngày 01/02/2010. Từ khi chị M bỏ nhà đi tôi là người trực tiếp nuôi dưỡng con, chị M chưa bao giờ về thăm con. Ly hôn tôi yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn bà Lương Thị M đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến làm việc, tham gia phiên họp công khai chứng cứ, phiên hòa giải, phiên tòa nhưng bà M đều vắng mặt nên không có lời khai.

- *Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn H T

+ Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn H T được ly hôn với bà Lương Thị M.

+ Về con chung: Giao con chung Nguyễn Lương Ngọc T1 cho ông Nguyễn H T trực tiếp nuôi dưỡng, bà M không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

+ Về án phí: Ông T phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn ông Nguyễn H T có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn bà Lương Thị M đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T và bà M.

[2] Về quan hệ pháp luật: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn” quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn H T và bà Lương Thị M tự nguyện đăng ký kết hôn, được UBND xã P, huyện Định Quán cấp giấy chứng nhận kết hôn số 04, quyển số 01 ngày 04/02/2009. Căn cứ Điều 9, Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 xác định hôn nhân giữa ông Nguyễn H T và bà Lương Thị M là hôn nhân hợp pháp.

Theo nguyên đơn ông T trình bày: Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, đến năm 2012 ông T bị tai nạn, dẫn đến chấn thương cột sống không lao động được, nên bà M bỏ nhà đi; ông T và bà M sống ly thân từ đó cho đến nay.

Tòa án đã xác minh tại địa phương (tổ 1, ấp 3, xã S, huyện Định Quán) về tình trạng hôn nhân của ông T và bà M, kết quả như sau: ông T và bà M có đăng ký kết hôn, có tổ chức đám cưới tại địa phương, cuộc sống vợ chồng họ hạnh phúc được vài năm thì không còn chung sống với nhau nữa, địa phương không biết lý do. Từ năm 2013 đến nay không thấy vợ chồng anh Thiết, chị M qua lại thăm nom, chăm sóc nhau; bà M hiện làm việc tại nơi khác, thỉnh thoảng có về thăm cha mẹ đẻ.

Bị đơn bà Lương Thị M đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến làm việc, tham gia phiên họp công khai chứng cứ, phiên hòa giải, phiên tòa nhưng bà M đều vắng mặt, cũng không có ý kiến phản hồi về các nội dung theo đơn khởi kiện của nguyên đơn. Điều này cho thấy bà M không còn quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân với ông T nữa, không có thiện chí hòa giải để vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ với nhau. Do bà M không đến tham gia tố tụng tại Tòa án, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; căn cứ khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Theo tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án xác định tình trạng hôn nhân giữa ông T và bà M là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn H T về việc xin ly hôn với bà Lương Thị M.

[3.2] Về con chung:

Ông T và bà M có 01 con chung là Nguyễn Lương Ngọc T1 – sinh ngày 01/02/2010, hiện nay con chung đang do ông T đang trực tiếp nuôi dưỡng, ông T có thu nhập ổn định. Ly hôn ông T xin được nuôi con và không yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi con.

Cháu Nguyễn Lương Ngọc T1 cũng có nguyện vọng được sống với ông T.

Đối với bà M đã bỏ con đi từ khi cháu Trinh còn rất nhỏ (02 tuổi), từ đó bà M không trở về thăm nom, chăm sóc cháu Trinh nữa. Bà M không đến Tòa án tham gia tố tụng; không có ý kiến, yêu cầu gì về con chung. Từ đó cho thấy bà M không có thiện chí hòa giải về vấn đề chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu nuôi con của ông T là có cơ sở nên chấp nhận, giao cháu T1 cho ông T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Do ông T không có yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung:

Do chưa có lời khai của bà Lương Thị M, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Ông Nguyễn H T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân gia đình theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 91, 147, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 9, Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Nguyễn H T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn H T được ly hôn với bà Lương Thị M.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Lương Ngọc T1 – sinh ngày 01/02/2010 cho ông Nguyễn H T trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời Lương Thị M không phải cấp dưỡng nuôi con; bà M có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung chưa thành niên, các bên được quyền thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Ông Nguyễn H T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân gia đình. Số tiền 300.000đ tạm ứng án phí ông T đã nộp, theo Biên lai thu số 0002391 ngày 05/7/2019/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Định Quán được trừ vào tiền án phí ông T phải chịu.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Định Quán;
- Chi cục THADS huyện Định Quán;
- UBND xã P, H.Định Quán;
- Lưu.

Phạm Ngọc Quyền

